

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phông Lập, huyện Thuận Châu**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 379/NQ-HĐND ngày 02/10/2024 của HĐND tỉnh Sơn

*La về việc điều chỉnh, thu hồi, phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, 2023, 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2085/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh, thu hồi, giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022, 2023, 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Theo đề nghị Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4247/TTr-SGTVT ngày 31/12/2024, Thông báo kết quả thẩm định số 4238/SGTVT-QLCL ngày 31/12/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê dự án Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phông Lập, huyện Thuận Châu với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường bản Ta Tú đến trung tâm xã Phông Lập, huyện Thuận Châu.
2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La.
3. Chủ đầu tư: UBND huyện Thuận Châu.
4. Mục tiêu: Tăng cường cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, các thôn đặc biệt khó khăn; đầu tư đường đến trung tâm xã và cứng hóa đường đến trung tâm xã, liên xã.
5. Phạm vi, quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp kỹ thuật chính
  - 5.1. Vị trí công trình
    - Điểm đầu: Bản Ta Tú, xã Phông Lập.
    - Điểm cuối: Đầu nối tại Km10+163m đường giao thông liên xã Long Hẹ - Phông Lập ra trung tâm xã.
  - 5.2. Quy mô xây dựng: Xây dựng tuyến đạt tiêu chuẩn đường GTNT cấp B (TCVN 10380:2014), có chấu trước với tổng chiều dài tuyến cứng hóa  $L=2,749\text{Km}$ .  $B_{\text{nền}}=5\text{m}$  (4,0m);  $B_{\text{mặt}}=3,5\text{m}$  (3,0m); mặt đường bê tông xi măng.
  - 5.3. Giải pháp kỹ thuật
    - a) Hướng tuyến và nền đường: Tuyến được triển khai trên cơ sở tận dụng nền đường hiện trạng, có cải tạo, mở rộng đảm bảo hợp lý về kinh tế - kỹ thuật, phù hợp với quy trình, quy phạm hiện hành, cụ thể:
      - Bình đồ: Bán kính đường cong nằm nhỏ nhất sử dụng  $R_{\text{min}}=15\text{m}$ .
      - Cắt dọc: Độ dốc dọc tối đa sử dụng  $I_{\text{max}}=13\%$ .
      - Cắt ngang: Bề rộng nền đường  $B_n=4,0\text{m}+W$  (không kể rãnh dọc), trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; bố trí mở rộng các đoạn tránh xe tuân thủ theo quy định đảm bảo  $B_n \geq 6,0\text{m}$ . Mái taluy đào 1/0,75 đối với đất cấp 3, đất cấp 4; mái taluy 1/1,5 đắp đất, 1/1,0 đắp đá.

- Rãnh dọc: Trên nền đất tiết diện hình thang kích thước đáy rãnh rộng 40cm, sâu 30cm; trên nền đá liên khối tiết diện hình tam giác; tại vị trí dốc dọc lớn, địa chất dễ bị xói lở gia cố rãnh hình đáy bằng bê tông xi măng M200 đổ tại chỗ, thành rãnh bằng bê tông xi măng M200 lắp ghép.

b) Mặt đường: Bề rộng mặt đường  $B_m=3,0m+W$ , trong đường cong mở rộng theo tiêu chuẩn; bố trí mở rộng các đoạn tránh xe tuân thủ theo quy định đảm bảo  $B_m \geq 5,0m$ ; kết cấu bằng bê tông xi măng M250 dày 16cm/ móng cấp phối đá dăm dày 12cm/lớp lót bạt dứa/khuôn đường đầm chặt  $K \geq 0,95$ . Lề đường đắp đầm chặt  $K \geq 0,95$  phù hợp với cao độ mặt đường.

#### c) Công trình trên tuyến

- Công trình công: Xây dựng cống mới và sửa chữa hộ lan cống cũ khẩu độ từ (0,6-2,0)m, dùng thoát nước lưu vực và rãnh dọc, khổ phù hợp với bề rộng nền đường, tải trọng thiết kế H13-X60; tần suất thiết kế  $P=4\%$ .

- Công trình: Các vị trí có độ dốc ngang lớn xây dựng tường chắn gia cố mái taluy âm để đảm bảo ổn định nền đường, kết cấu bằng rọ thép kích thước (2x1x1)m, tải trọng thiết kế H13-X60; ốp mái bê tông xi măng M200, ngoài cắm chân khay để đảm bảo chống xói.

#### d) Hạng mục khác

- Xây dựng các nút giao cùng mức vượt nội hải hòa phù hợp với quy mô của tuyến và điều kiện thực tế.

đ) Khối lượng chủ yếu và các chi tiết cụ thể: Theo hồ sơ thiết kế lập, trình được Sở GTVT thẩm định tại Thông báo kết quả thẩm định số 4238/SGTVT-QLCL ngày 31/12/2024.

**6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng:** Công TNHH xây dựng Tuấn Phúc Sơn La.

#### 7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Địa điểm xây dựng: Huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- Diện tích đất sử dụng: 3,48ha.

**8. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:**

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C;

- Loại công trình: Công trình giao thông;

- Cấp công trình: Đường ô tô cấp IV;

- Thời hạn sử dụng công trình chính: Theo tiêu chuẩn thiết kế áp dụng TCVN 10380:2014 và các tiêu chuẩn có liên quan.

#### 9. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Công tác trắc địa trong XDCT-Yêu cầu chung TCVN 9398:2012;

- Quy trình khảo sát thăm dò địa chất TCVN 9437:2012;

- Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế TCVN 10380:2014;
- Quy trình tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ TCVN 9845-2013;
- Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ: QCVN 41:2024/BGTVT;
- Đường ô tô-Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31:2020/TCĐBVN (tham khảo);
- TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Thiết kế điển hình công tròn 533-01-01, 533-01-02; 83-02x.
- Thiết kế điển hình công bản 69-34X;
- TCCS 13:2016/TCĐBVN Tường chắn rọ đá trọng lực - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu;
- Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông TCCS 39:2022/TCĐBVN (tham khảo);

Ngoài ra còn tham khảo một số quy trình, quy phạm và một số các thiết kế điển hình khác của Nhà nước và của Bộ GTVT ban hành.

**10.** Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng: **5.598.400.000 đồng** (*Bằng chữ: Năm tỷ, năm trăm chín mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng*), trong đó:

- Chi phí xây dựng : 4.816.905.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 178.768.000 đồng;
- Chi phí tư vấn : 484.132.000 đồng;
- Chi phí khác : 65.542.000 đồng;
- Chi phí dự phòng : 53.053.000 đồng.

**11.** Tiến độ thực hiện dự án: 2024-2025.

**12.** Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 (*ngân sách Trung ương và Ngân sách huyện*).

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn:

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Ngân sách Trung ương	Ngân sách huyện	Tổng số
2024-2025	4.398,4	1.200,0	<b>5.598,40</b>

**13.** Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

**1.** UBND huyện Thuận Châu (chủ đầu tư):

- Bố trí vốn và tổ chức triển khai thực hiện dự án đảm bảo đúng mục tiêu, hiệu quả, tiến độ thời gian, không để thất thoát, lãng phí vốn đầu tư; Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo đúng quy định.

- Chủ động rà soát các nội dung kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Thông báo kết quả thẩm định số 4238/SGTVT-QLCL ngày 31/12/2024 trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

## **2. Sở Giao thông vận tải**

- Chịu trách nhiệm về tính chuẩn xác, tính hợp pháp của các thông tin, số liệu, nội dung, quy trình, kết quả thẩm định và nội dung trình phê duyệt dự án;

- Hướng dẫn chủ đầu tư triển khai thực hiện dự án tuân thủ quy định pháp luật về xây dựng theo thẩm quyền quản lý; tổng hợp, tham mưu các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai dự án (nếu có).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thuận Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành/.

### ***Nơi nhận:***

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (t/h);
- VP UBND tỉnh (LĐ, phòng KT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT Việt10b.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hồng Minh**